

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 30/5/2023
V/v: “ Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HOÀ BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Trần Ánh Hồng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lương Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2023/ TLST - HNGĐ ngày 30/3/2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – sinh năm 1997 (Có mặt)

Trú tại: Tiểu khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy H - sinh năm 1986 (Có mặt)

Trú tại: Tiểu khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2023; các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị D trình bày :

Tôi và anh Nguyễn Duy H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh H vào ngày 26/4/2016. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, anh H đi ra ngoài nghe lời kích bác của người ngoài nên thường xuyên ghen tuông, không tin tưởng tôi, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần anh H đã đánh tôi. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, tôi cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân và không còn tình cảm với anh H. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hùng.

Về con chung : Có hai con chung tên Nguyễn Hoài T – sinh ngày 04/6/2015 và Nguyễn Gia B – sinh ngày 22/10/2019. Tôi và anh H thỏa thuận nếu ly hôn thì anh Hùng nuôi con Nguyễn Hoài Thu, tôi nuôi con Nguyễn Gia B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm con chung sau ly hôn.

Tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác nhận về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị D trình bày là đúng. Anh H trình bày về nguyên nhân dẫn đến việc chị Duyên xin ly hôn tôi là do đầu năm 2023 chị Duyên có mối quan hệ với người đàn ông khác, tôi đã khuyên bảo chị D rất nhiều lần nhưng chị D không thay đổi. Do bức tức tôi xác nhận có đánh chị D một lần, Sau đó chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 3 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi, tôi không đồng ý vì tôi không muốn các con tôi sống mà thiếu bố hoặc mẹ.

Về con chung : Tôi công nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoài Th – sinh ngày 04/6/2015 và Nguyễn Gia B – sinh ngày 22/10/2019. Tôi và cô Duyên thỏa thuận nếu chúng tôi ly hôn thì tôi nuôi con Nguyễn Hoài Th, cô D nuôi con Nguyễn Gia B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm con chung sau ly hôn.

Tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2023 bà Nguyễn Thị L - mẹ đẻ anh Hùng xác nhận vợ chồng D và H chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xuyên cãi nhau, chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay chị D có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H, bà mong muốn các con đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- *Về tố tụng* : Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duyên.

+ Xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy H được ly hôn

+ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/10/2019 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 04/6/2015 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền

thăm nom con chung không ai được cản trở, có quyền thay đổi, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ: Không có

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Duy H có hộ khẩu tại tiểu khu M, thị trấn L, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Duy H đăng kí kết hôn vào ngày 26/4/2016 tại UBND thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị D trình bày sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, anh H hay ghen tuông, sau đó về nhà chửi bới chị Duyên và có lần còn đánh chị D. Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu tháng 3/2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh Hùng.

Anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh là do chị D có mối quan hệ với người đàn ông khác, anh vẫn còn tình cảm với chị Duyên, anh H không muốn vợ chồng ly hôn là do anh sợ các con sống thiếu tình cảm của bố và của mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị D và anh H đều thừa nhận từ đầu năm 2023 đến nay anh chị đã chính thức sống ly thân, chị D về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Hùng vẫn sống tại nhà, nhà bố mẹ đẻ chị D và nhà anh H cách nhau bức tường bao. Tuy nhiên trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, bản thân chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh H xác nhận khoảng hai tháng nay anh không hỏi thăm, liên lạc và nói chuyện với chị Duyên nữa. Mặc dù anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân anh H không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Như vậy có thể khẳng định rằng mâu thuẫn vợ chồng D và anh H đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

[3]. Về con chung: Cả chị D và anh H đều thỏa thuận nếu vợ chồng ly hôn chị Nguyễn Thị Duyên nuôi con Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/6/2015 anh Nguyễn Duy H nuôi con Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 04/6/2015 Hai bên không

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử xét thỏa thuận này của chị D và anh H không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội, tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 cháu Thu cũng có nguyện vọng ở với anh H nên ghi nhận sự thỏa thuận này của hai anh chị theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử : Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung:

* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Giao cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 22/10/2019 cho Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Gia B trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 04/6/2015 cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Hoài Th trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở. Anh H, chị D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005461 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- UBND TT Lương Sơn
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt